

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 43

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Chiew Sin Cheok	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị;



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/18592278/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Building a better
working world**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.539.367.676	20.809.767.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	682.422.541	685.888.556
111	1. Tiền		679.422.541	685.888.556
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		453.782.758	454.062.758
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	153.460.400	153.740.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.225.140.413	6.022.668.283
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.786.704.435	1.664.310.530
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	9.400.836.265	1.265.441.146
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	10.144.848	10.779.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.040.723.339	3.095.523.862
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(15.958.589)	(15.958.589)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.690.115	2.571.486
140	IV. Hàng tồn kho	10	13.604.022.211	13.040.643.606
141	1. Hàng tồn kho		13.702.853.695	13.080.748.940
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(98.831.484)	(40.105.334)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		573.999.753	606.503.926
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	195.676.745	128.357.963
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	374.757.647	478.117.148
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3.565.361	28.815
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.502.824.388	10.000.332.726
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		605.097.453	144.338.070
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	16.757.949	17.836.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	588.339.504	126.502.070
220	II. Tài sản cố định		7.394.721.616	6.382.356.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.773.571.567	3.572.858.457
222	Nguyên giá		6.242.131.212	5.716.356.916
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.468.559.645)	(2.143.498.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.621.150.049	2.809.498.517
228	Nguyên giá		3.709.374.842	2.881.230.261
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.224.793)	(71.731.744)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		801.543.321	600.020.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	801.543.321	600.020.273
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		3.001.919.598	2.056.883.251
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	2.967.719.729	2.022.683.382
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.2	(28.300.500)	(28.300.500)
260	V. Tài sản dài hạn khác		699.542.400	816.734.158
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	509.615.006	573.947.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	9.668.391	42.302.052
269	3. Lợi thế thương mại	18	180.259.003	200.484.272
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.042.192.064	30.810.099.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.617.626.044	16.200.667.264
310	I. Nợ ngắn hạn		21.248.863.665	15.805.596.101
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	4.507.819.334	3.555.722.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	229.865.297	423.965.661
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
		21	1.017.243.057	637.099.912
314	4. Phải trả người lao động		38.621.740	992.037
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	283.099.571	338.006.363
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.138.892	2.477.795
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	62.892.919	54.578.588
320	8. Vay ngắn hạn	24	14.994.947.294	10.691.512.845
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	25	110.031.146	99.946.174
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.204.415	1.294.501
330	II. Nợ dài hạn		368.762.379	395.071.163
331	1. Phải trả người bán dài hạn		40.721	137.937
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	5.612.000	5.612.000
338	3. Vay dài hạn	24	348.664.335	372.322.169
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		14.445.323	16.999.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.424.566.020	14.609.432.591
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.424.566.020	14.609.432.591
411	1. Vốn cổ phần	26.1	4.145.000.000	3.845.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		4.145.000.000	3.845.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	2.998.618.837	1.948.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	26.1	3.315.000	3.315.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	26.1	(6.840.000)	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	(93.133)	(3.116.081)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	11.181.135.438	8.741.745.802
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.498.785.802	1.703.858.575
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.682.349.636	7.037.887.227
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		103.429.878	80.709.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.042.192.064	30.810.099.855

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	26.999.899.956	17.850.010.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(568.079)	(45.068.925)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	26.999.331.877	17.804.941.246
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28, 32	(21.141.532.206)	(13.502.972.931)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.857.799.671	4.301.968.315
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	171.988.140	99.390.554
22	7. Chi phí tài chính	30	(737.786.545)	(280.043.267)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	30	(241.033.281)	(99.885.748)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		36.347	-
25	9. Chi phí bán hàng	29, 32	(813.740.302)	(529.196.469)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 32	(505.075.843)	(316.887.013)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.973.221.468	3.275.232.120
31	12. Thu nhập khác	31	74.783.726	37.719.279
32	13. Chi phí khác	31	(98.239.454)	(14.008.666)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(23.455.728)	23.710.613
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.949.765.740	3.298.942.733
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.2	(207.569.247)	(109.624.906)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(32.633.661)	(21.827.657)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.709.562.832	3.167.490.170
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.682.349.636	3.149.615.267
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		27.213.196	17.874.903
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.5	9.180	8.609
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.5	9.180	8.609

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.949.765.740	3.298.942.733
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 18	377.239.122	281.857.908
03	Các khoản dự phòng		66.257.388	3.870.116
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		311.543.610	13.987.513
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		14.223.729	(4.885.825)
06	Chi phí lãi vay	30	241.033.281	99.885.748
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.960.062.870	3.693.658.193
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.682.239.985	(2.321.134.060)
10	Tăng hàng tồn kho		(622.104.755)	(2.265.154.627)
11	Tăng các khoản phải trả		980.408.205	1.489.158.805
12	Giảm chi phí trả trước		11.822.933	84.240.177
14	Tiền lãi vay đã trả		(241.505.744)	(101.268.719)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.2	(191.325.610)	(78.339.567)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(90.086)	(1.154.608)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.579.507.798	500.005.594
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.725.106.245)	(812.412.042)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.586.686	43.868
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng và cho các đơn vị khác vay		(1.540.160)	-
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		3.533.211	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.069.144.000)	-
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		1.857.194	4.499.671
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.787.813.314)	(807.868.503)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.350.000.000	1.024.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		22.073.093.981	12.228.561.149
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.976.017.365)	(11.308.030.783)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.243.285.353)	(1.156.605.593)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.203.791.263	787.924.773
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(4.514.253)	480.061.864
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		685.888.556	491.483.328
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.048.238	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	682.422.541	971.545.192

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016